

BÁO CÁO PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC

THÔNG TIN VÈ NGƯỜI BÁO CÁO, BÊNH NHÂN VÀ ĐƠN VỊ BÁO CÁO SẼ ĐƯỢC BẢO MẬT

Nơi báo cáo:	Khoa Huyết Học					
Bệnh viện YHCT Nghệ An						
Mã số báo cáo c	ủa đơn vị:					
Mã số báo cáo (do trung tâm quốc gia quản lý) :					
1						

A. THÔNG TIN VỀ BỆNH NHÂN			I							
1. Họ và tên: 2123	2. Ngày sinh: 09/09/2022 Hoặc tuổi:		3. Giới tính:	[x Nam	Nữ	4. Cân nặn 123	g:		
B.THÔNG TIN VỀ PHẢN ỨNG CÓ HẠI (ADR)										
5. Ngày xuất hiện phản ứng	6. Phản ứng xuất hiệ	n sau bao lâ	u (tính từ lần dù	ng cuối cùng	của thuốc nghi ngờ)	:				
09/09/2022	1231									
7. Mô tả biểu hiện ADR	8. Các xét nghiệm li	ên quan phả	n ứng							
1021	3123									
1231	9. Tiền sử (đị ứng, t	hai nghén, n	nghén, nghiên thuốc lá, nghiên rượu, hệnh gan, hệnh thận)							
	9. Tiền sử (dị ứng, thai nghên, nghiện thuốc lấ, nghiện trượu, bệnh gan, bệnh thận) 1231									
	10 Cánh mà trá nhân									
	 Cách xử trí phản 3123 	ung:								
11. Mức độ nghiêm trọng của phản ứng										
Tử vong	x	Nhập viện/	Kéo dài thời gia	ın nằm viện		Dị tật thai 1	nhi			
De dọa tính mạng		Tàn tật vĩn	h viễn nặng nề			Không ngh	iêm trọng			
12. Kết quả sau khi xử trí phản ứng Tử vong do ADR		Chưa hồi p	hục			Hồi phục c	ó di chứng			
Tử vong không liên quan thuốc	x	Đang hồi p	hục			Hồi phục k	hông có di ch	ứng		Không rõ
			i							
C. THÔNG TIN VỀ THUỐC NGHI NGỜ GÂY ADE	3				Ngi	ày điều trị				
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên Dạng bào chế, hàm	Nhà sản Số lô	Liều dùng	Số lần dùng trong ngày/	Đường		ày điều trị / tháng/ năm)		ý do dùng thuốc		Có phân ứng khi
12 Th. 5- (405) 40- Day his ship him		Liều dùng 1 lần	Số lần dùng trong ngày/ tuần/ tháng.	Đường dùng				Lý do dùng thuốc	Có cải thiện sau khi giảm liều?	Có phản ứng khi tấi sử dụng?
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên Dạng bào chế, hàm	Nhà sản xuất Số lô SX	1 lần	trong ngày/ tuần/ tháng.	dùng	(Ngày	/ tháng/ năm)		.ý do dùng thuốc 1231		
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên luợng bảo chế, hàm thương mại) 1 Trả gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123	Nhà sản xuất Số lô SX 123 1231 123 2131	1 lần 231	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123	dùng 12312 132	(Ngày, Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202	2 2	1231 123	khi giảm liều? Có Có	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1	Nhà sản xuất Số lô SX 123 1231 123 2131	1 lần 231	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123	dùng 12312 132	(Ngày, Bắt đầu 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202	2 2	1231	khi giảm liều? Có Có	tái sử dụng?
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trá gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 3123	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213	dùng 12312 132	(Ngày, Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202	2 2 2 2	1231 123 123	khi giảm liều? Có Có	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 c hậu quả A	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213	12312 132 1231	(Ngày, Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202	2 2 2 2 2 Ngày	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? Có Có	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 c hậu quả A	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR)	12312 132 1231	(Ngày, Bất đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	/ tháng/ năm) Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu	2 2 2 2 2 Ngày	1231 123 123	khi giảm liều? Có Có Có Có Kết thúc	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 c hậu quả A	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm lư 1231	12312 132 1231	(Ngày, Bất đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	/ tháng/ năm) Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022	2 2 2 2 2 Ngày	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trả gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 c hậu quả A	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR)	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	/ tháng/ năm) Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu	2 2 2 2 2 Ngày	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? Có Có Có Có Kết thúc	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trá gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3%	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 c hậu quả A	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm h 1231 3123	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Két thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 Ngày	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHẢN THẨM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VỊ 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 ADR) g bào chế, hàm lu 1231 3123 3123	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHÂN THẨM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VI 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR Chắc chắn	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 c hậu quả A	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm lu 1231 3123 3123 c chắn	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Két thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 Ngày	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
thương mại) lượng 1 Trả gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHẢN THẨM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VỊ 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR Chấc chắn Có khả năng	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 Dạng Không chắc Chưa phân	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm h 1231 3123 3123 3123 c chấn loại	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHÂN THẨM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VI 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR Chắc chắn	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 Dạng Không chắ	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm h 1231 3123 3123 3123 c chấn loại	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 Dạng Không chắc Chưa phân	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm h 1231 3123 3123 3123 c chấn loại	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHẢN THẨM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VỊ 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR Chấc chắn Có khả năng	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 1 Dạng Không chắc Chưa phân	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm lu 1231 3123 3123 c chấn loại	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Kết thúc 09/13/202 09/13/202 09/13/202 Bắt đầu 09/12/2022 09/13/2022	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng I 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHÂN THÂM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VỊ 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR Chắc chấn Có thể 16. Đơn vị thẩm định theo thang nào? Thang WHO	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 Ic hậu quả A Dạng Không chắ Chưa phân	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm lu 1231 3123 3123 c chấn loại	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Két thúc	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có
STT 13.Thuốc (tên gốc và tên thương mại) Dạng bào chế, hàm thương mại) 1 Trà gừng Dạng 1 2 Dopamine hydrochloride 49 3123 3 Nghệ mật ong tùng lộc 23123 14. Các thuốc dùng đồng thời (Ngoại trừ các thuốc dù STT Tên thuốc 1 Lidocain-BFS 2 Drotaverin 3 Novocain 3% D. PHÂN THẨM ĐỊNH ADR CỦA ĐƠN VI 15. Đánh giá mối liên quan giữa thuốc và ADR Chắc chắn Có khả năng Có thể 16. Đơn vị thẳm định theo thang nào?	Nhà sản xuất Số lô SX 123 123i 123 213i 231 2312	1 lần 231 1 2 3123 Ic hậu quả A Dạng Không chắ Chưa phân	trong ngày/ tuần/ tháng. 3123 13 213 DR) g bào chế, hàm lu 1231 3123 3123 c chấn loại	12312 132 1231	(Ngày) Bắt đầu 09/13/2022 09/13/2022 09/13/2022	Két thúc	2 2 2 2 2 2 Ngày (ngày/ th	1231 123 123 123 điều trị	khi giảm liều? C6 C6 C6 C6 Kết thúc 09/12/2022 09/13/2022	tấi sử dụng? Có Có

E. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI BÁO CÁO

	Bệnh viện YHCT Nghệ An					Nghề nghiệp/ Cl	hức vụ:	Kế toán trưởng
Điện thoại liên lạc:	: 0852436261				Email:			VXCX@GMAIL.COM
19. Chữ ký:		20. Dạng báo cáo:	x	Lần đầu		Bổ sung	21. Ng	ày báo cáo: 09/09/2022